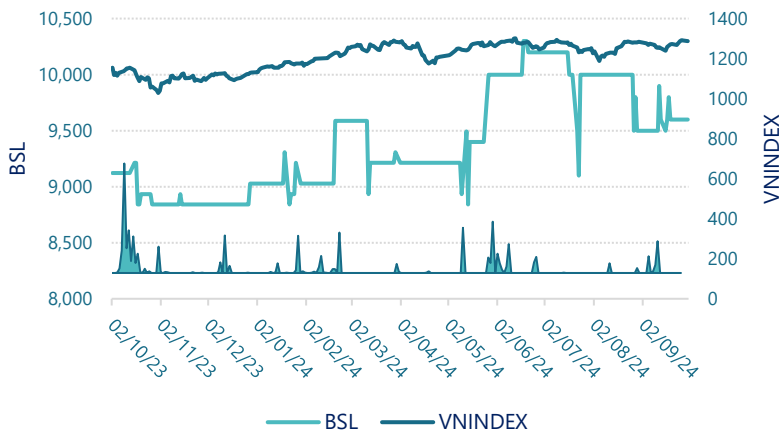




CTCP Bia Sài Gòn - Sông Lam (UPCOM: BSL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	9,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,842
SL cổ phiếu LH	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,495
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	432
P/E	13.1
EPS	734

DT thuần
Q3/24

260

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 21.0 | 9.0%

YoY: ▲ 22.0 | 9.4%

LN sau thuế
Q3/24

11.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.90 | -7.5%

YoY: ▲ 1.26 | 12.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24

5.4%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần
9T 2024

678

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 88.0 | 14.9%

LN sau thuế
9T 2024

25.2

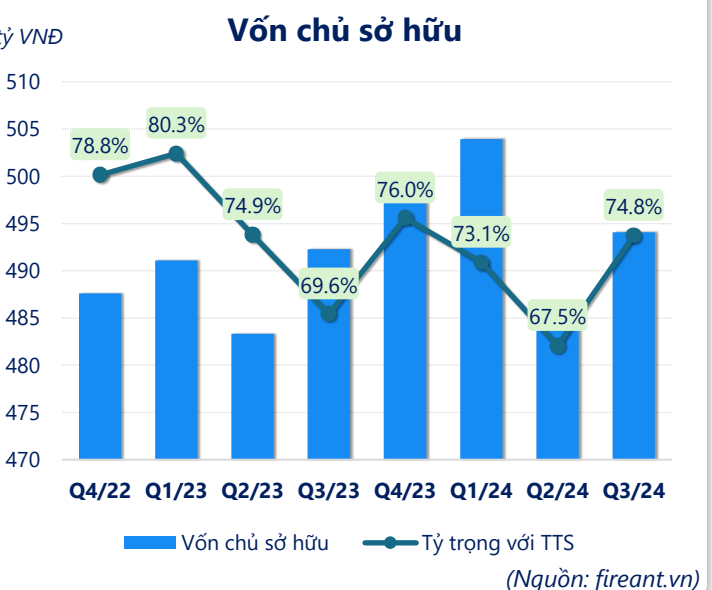
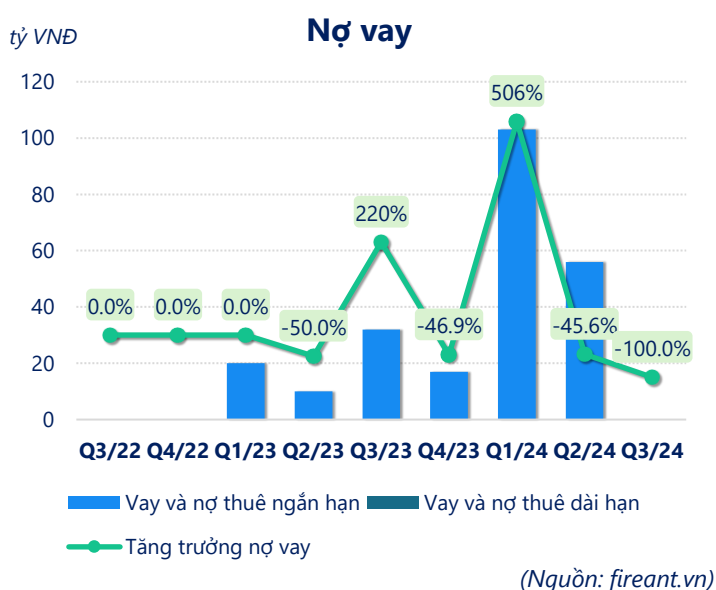
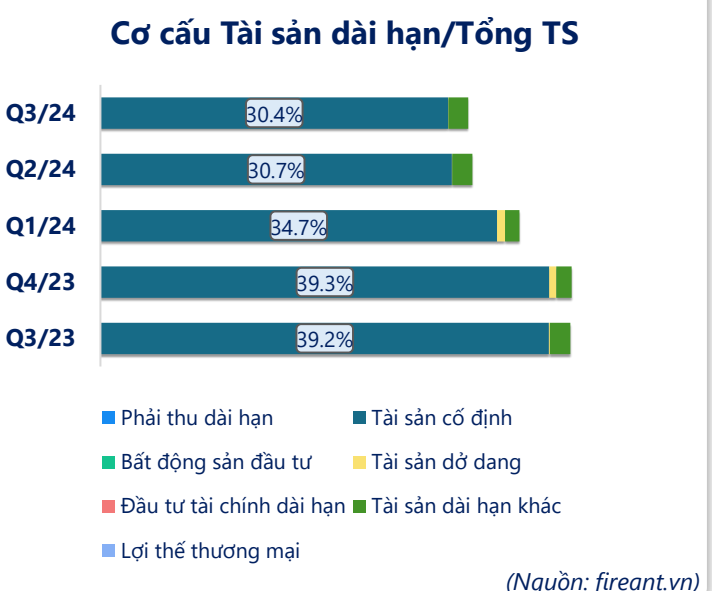
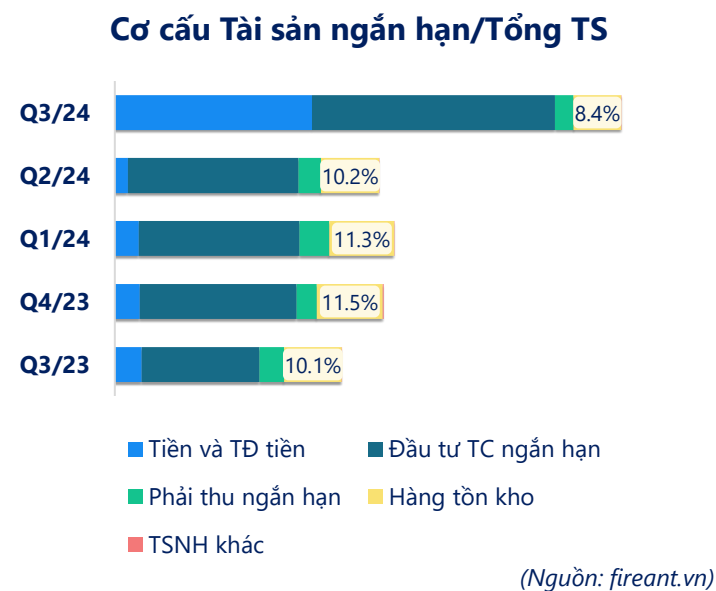
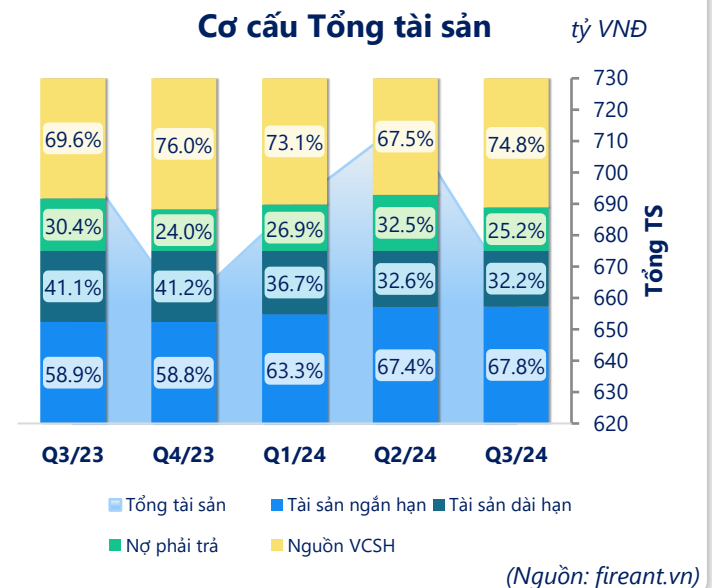
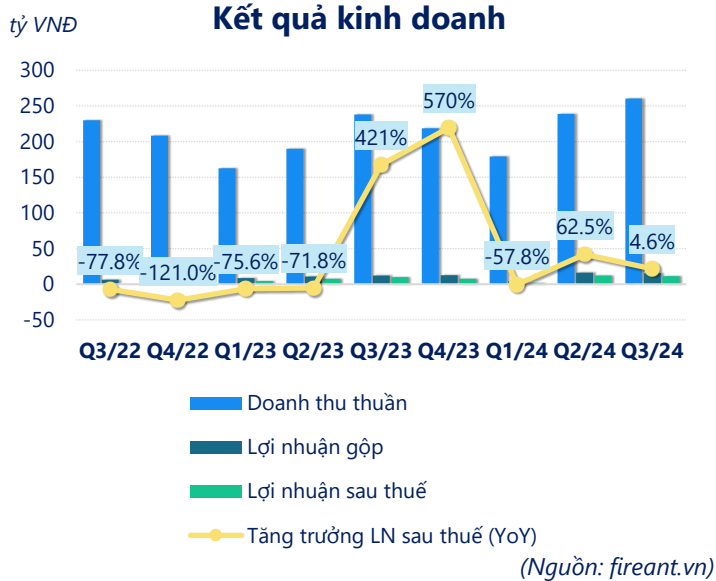
tỷ VNĐ

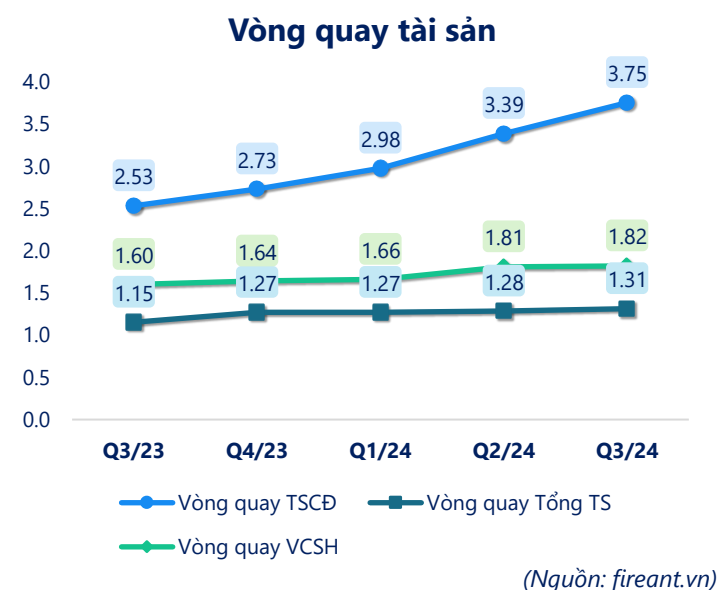
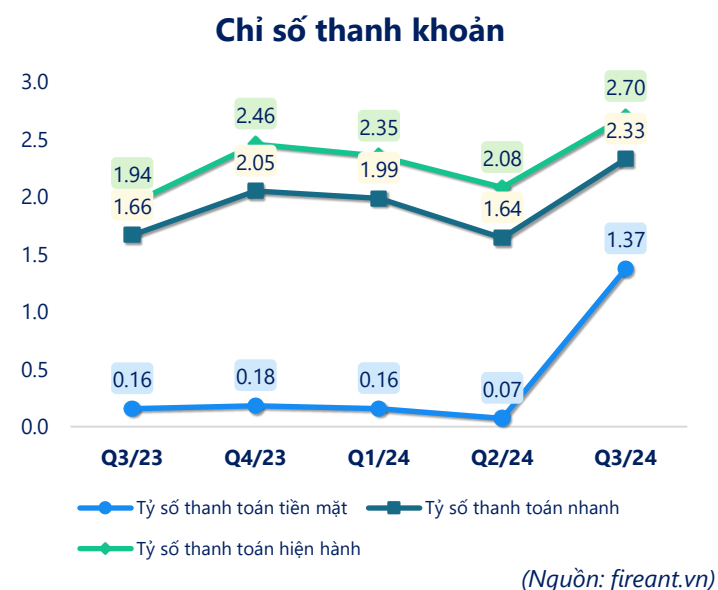
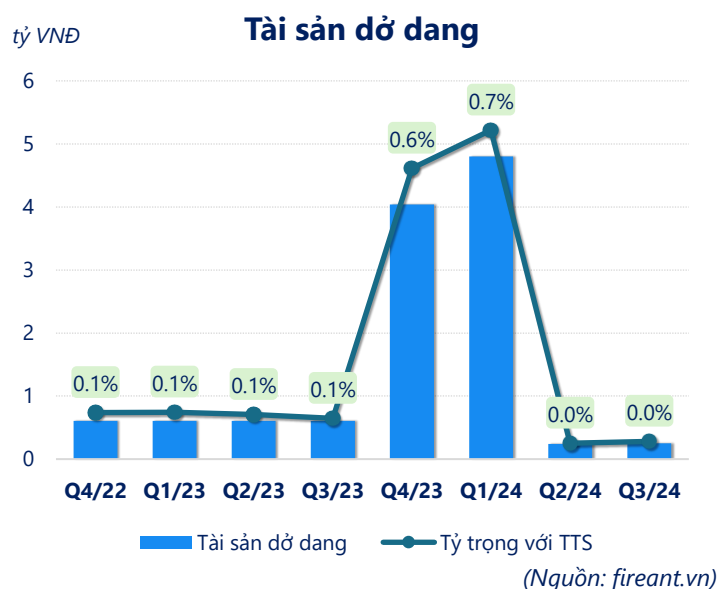
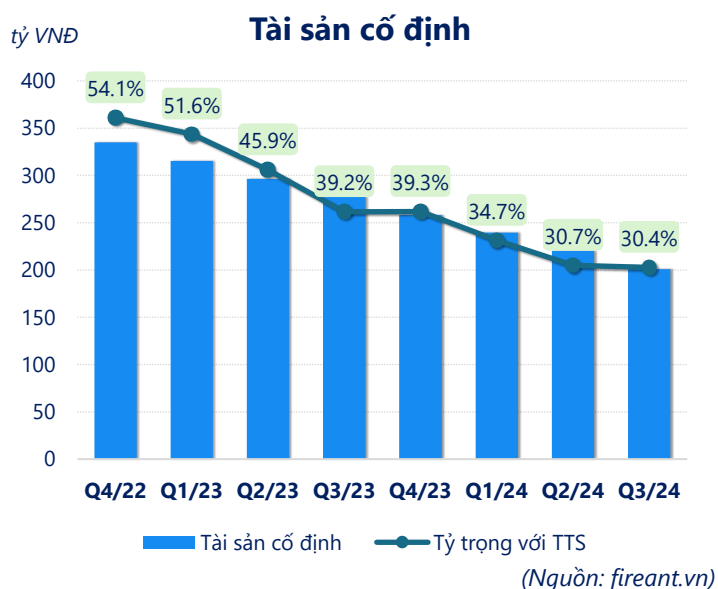
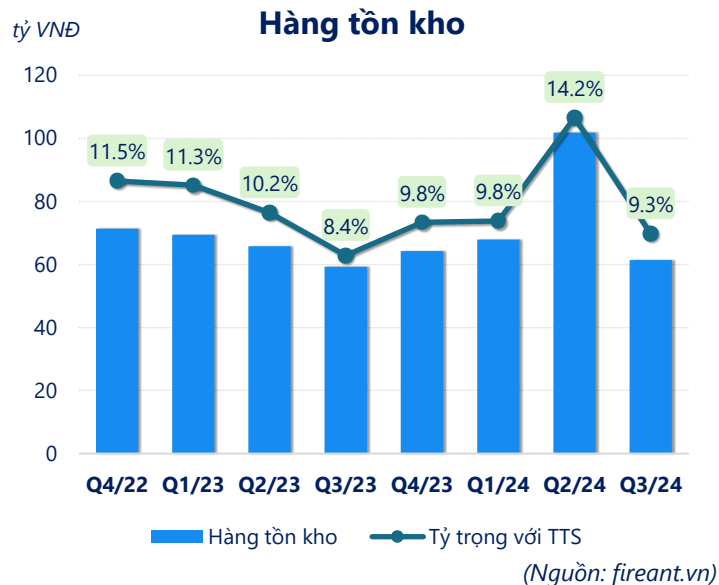
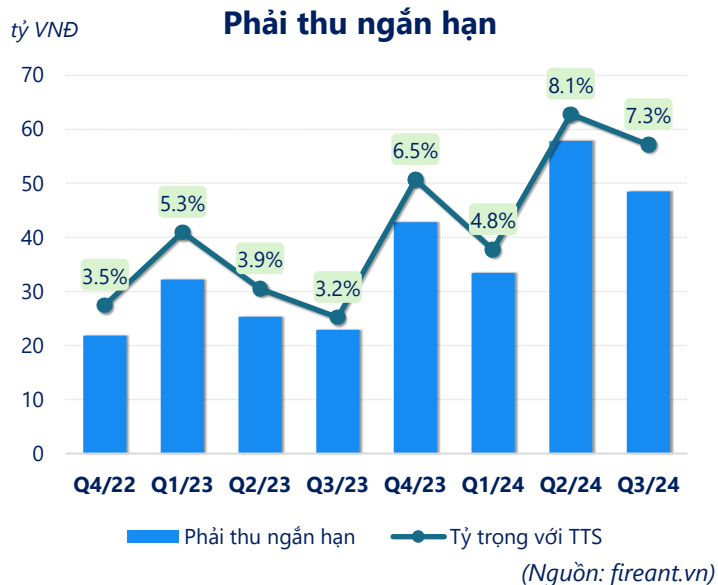
YoY: ▲ 3.40 | 15.7%

ROE
Q3/24

6.7%

+/- YoY: ▲ 2.3%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	707	657	690	716	660
Tài sản ngắn hạn	416	386	437	483	448
Tiền và tương đương tiền	33.3	28.6	29.2	16.6	228
Đầu tư tài chính ngắn hạn	301	250	306	306	110
Phải thu ngắn hạn	22.9	42.8	33.5	57.9	48.5
Hàng tồn kho	59.2	64.3	67.9	102	61.4
Tài sản ngắn hạn khác	0.27	0.76	0.57	1.14	0.54
Tài sản dài hạn	291	271	253	233	213
Phải thu dài hạn	0.03	0.03	0.03	0.03	0.03
Tài sản cố định	277	258	239	220	201
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.61	4.04	4.80	0.24	0.25
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	12.6	8.79	8.78	12.7	11.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	215	158	186	233	166
Nợ ngắn hạn	214	157	186	232	166
Vay và nợ thuê ngắn hạn	32.0	17.0	103	56.0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	19.1	16.2	5.82	42.9	16.1
Nợ dài hạn	0.17	0.65	0.15	0.15	0.15
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	492	499	504	484	494
Vốn chủ sở hữu	492	499	504	484	494
Vốn điều lệ	450	450	450	450	450
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)